

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trịnh Điền và bà Lê Thị Thuý Vân.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện

Triệu Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:*
Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Ny N, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lương Quốc H, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2024, bà Đoàn Thị Ny N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 03 tháng 7 năm 2015, bà Đoàn Thị Ny N và ông Lương Quốc H đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ chồng. Sau đó 02 năm thì vợ chồng làm nhà riêng tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận nhưng từ đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không đồng quan điểm sống, bà N đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết các vấn đề sau đây:

1. Về tình cảm: Bà Đoàn Thị Ny N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lương Quốc H.

2. Về con chung: Trong quá trình chúng sống vợ chồng có một người con chung là cháu Lương Đoàn An N1, sinh ngày 11/4/2016. Nguyên vọng của bà N muốn được nuôi con chung và không yêu cầu ông Lương Quốc H cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 12 năm 2024, đại diện thôn N, xã T cung cấp thông tin:

Bà Đoàn Thị Ny N và ông Lương Quốc H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào năm 2015. Sau khi kết hôn bà N và ông H sinh sống tại nhà ông Lương S và bà Nguyễn Thị L (là bố mẹ ông H) được một thời gian thì ra ở riêng tại thôn N, xã T, huyện T. Thời gian đầu, ông H và bà N sống với nhau hạnh phúc, sau khi sinh con chung thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm cùng với bà N trong việc làm kinh tế để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung dẫn đến tình cảm không còn như trước. Mâu thuẫn vợ chồng lập đi lập lại và không tìm ra hướng giải quyết nên từ đầu năm 2021 bà N cùng con đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã T, huyện T sinh sống cho đến nay, còn ông H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà bố mẹ đẻ của ông H sinh sống.

Về con chung: Bà N và ông H có 01 (một) con chung là cháu Lương Đoàn An N1, sinh ngày 11/4/2016. Hiện tại cháu An N1 đang sống với bà N tại thôn N, xã T, huyện T. Cuộc sống của cháu An N1 hiện rất được đảm bảo, cháu phát triển tốt.

- **Tại biên bản lấy ý kiến ngày 30/12/2024, cháu Lương Đoàn An N1 trình bày như sau:** Cháu tên là Lương Đoàn An N1, sinh ngày 11/4/2016, hiện đang học lớp 2 trường Tiểu học T, huyện T. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Đoàn Thị Ny N để tiện cho việc học tập, sinh hoạt của cháu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Ny N được ly hôn với ông Lương Quốc H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lương Đoàn An N1, sinh ngày 11/4/2016 cho bà Đoàn Thị Ny N nuôi dưỡng. Ông Lương Quốc H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.
- Về án phí: Bà Đoàn Thị Ny N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lương Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Đoàn Thị Ny N và ông Lương Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 7 năm 2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông H nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị Ny N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà N và ông H sinh sống tại nhà bố mẹ chồng, sống được 02 năm thì vợ chồng làm nhà riêng tại thôn N, xã T, huyện T. Từ năm 2021, vợ chồng bà N và ông H phát sinh mâu thuẫn nên bà N cùng con đã về nhà bố mẹ đẻ cùng ở thôn N, xã T, huyện T sinh sống cho đến nay, còn ông H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà bố mẹ đẻ của ông H sinh sống. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, yêu thương, giữ gìn hạnh phúc bên nhau nhưng vợ chồng bà N và ông H không còn chung sống với nhau từ năm 2021; Tòa án đã ra thông báo hoà giải nhưng ông H không đến Tòa án để phối hợp giải quyết là thể hiện sự bỏ mặc cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông H đã trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N để xem xét cho bà N được ly hôn đối với ông H.

[3]. *Về con chung:* Bà N và ông H có con chung là cháu Lương Đoàn An N1, sinh ngày 11/4/2016. Thấy rằng, từ nhỏ đến lớn cháu An N1 đều sống với mẹ. Nguyên vọng của cháu An N1 mong muốn được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu An N1 thì cần giao cháu cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. *Về án phí:* Bà Đoàn Thị Ny N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ny N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Ny N được ly hôn với ông Lương Quốc H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lương Đoàn An N1, sinh ngày 11/4/2016 cho bà Đoàn Thị Ny N nuôi dưỡng. Ông Lương Quốc H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Người không có nghĩa vụ nuôi con có quyền thăm non, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Bà Đoàn Thị Ny N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000240 ngày 31/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Bà Đoàn Thị Ny N đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị Ny N và ông Lương Quốc H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hùng